

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
công trình Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn
Km217+300-Km229, Quốc lộ 279, tỉnh Lạng Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và
bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý
hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Công văn số 2087/UBND-KTCN ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh
Lạng Sơn về việc chấp thuận danh mục cho phép chuẩn bị đầu tư sửa chữa,
bảo trì hệ thống Quốc lộ phân cấp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 99/TTr-SXD
ngày 18/5/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn Km217+300 - Km229,
Quốc lộ 279, tỉnh Lạng Sơn, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên công trình: Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường và công trình đoạn
Km217+300-Km229, Quốc lộ 279, tỉnh Lạng Sơn.
- Địa điểm xây dựng: đoạn từ Km217+300 - Km229, tuyến Quốc lộ 279,
địa phận xã Thiện Hòa, tỉnh Lạng Sơn.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.
- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lập khảo sát xây

dựng; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng 418.

6. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: dự án nhóm C; loại công trình giao thông, cấp IV; thời gian sử dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu của dự án: đầu tư xây dựng sửa chữa công trình nhằm xử lý các hư hỏng, bảo vệ, tăng tuổi thọ kết cấu công trình, nâng cao năng lực khai thác và đảm bảo an toàn giao thông trên tuyến.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

8.1. Quy mô: trên cơ sở nền mặt đường hiện hữu đoạn từ Km217+300 đến Km229/QL.279, tiến hành sửa chữa hư hỏng mặt đường, sau đó thảm tăng cường toàn mặt bằng bê tông nhựa chặt 16; sửa chữa rãnh dọc, sửa chữa và bổ sung hệ thống an toàn giao thông, hệ thống vạch sơn trên đoạn tuyến để bảo đảm an toàn giao thông, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác và tuổi thọ của tuyến đường.

8.2. Giải pháp thiết kế

a. Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường

- Sửa chữa mặt đường bị cao su (KC1): tiến hành đào bỏ kết cấu nền, mặt đường bị hư hỏng với chiều sâu dự kiến trung bình 60cm, sau đó hoàn trả bằng kết cấu tính từ dưới lên gồm: đắp đất lu lèn đầm chặt đảm bảo độ chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm; thi công lớp móng đá dăm nước lớp dưới dày 15cm, lớp móng đá dăm nước lớp trên dày 13,5cm và láng nhựa 1 lớp tiêu chuẩn 1,8 kg/m². Tổng diện tích sửa chữa KC1 khoảng 238,0m².

- Thảm tăng cường trên mặt đường cũ (KC2): toàn bộ mặt đường sau khi sửa chữa hư hỏng cục bộ như trên, tiến hành tưới nhũ tương CRS-1 dính bám, tiêu chuẩn 0,5kg/m² trên toàn bộ mặt đường cũ, sau đó bù vênh dày trung bình 1,45cm rải kết hợp với thảm lớp bê tông nhựa chặt 16 dày 5cm. Tổng diện tích thảm tăng cường trên mặt đường cũ KC2 khoảng 43.181m².

b. Hệ thống thoát nước: sửa chữa, bổ sung, hoàn trả lại các đoạn rãnh hình thang kích thước 40x40x120cm bị hư hỏng, kết cấu bằng bê tông xi măng M200 đổ tại chỗ dày 15 cm. Tổng chiều dài rãnh hình thang sửa chữa khoảng 373m.

c. Lề đường:

- Gia cố lề đối với đoạn đường có rãnh dọc bằng bê tông xi măng M200 dày 20cm trên lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 10cm. Tổng diện tích gia cố lề bê tông xi măng khoảng 5.067m².

- Đối với lề đường còn lại đắp đất để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa.

d. Hệ thống an toàn giao thông:

- Bổ sung 02 biển báo còn thiếu trên tuyến (loại biển báo nguy hiểm và cảnh báo).

- Bổ sung 60m hộ lan tại các vị trí taluy âm sâu.
- Nâng cao các đoạn hộ lan tôn sóng đang bị thấp với tổng chiều dài 284m.
- Sơn lại các vạch sơn tín hiệu bằng sơn dẻo nhiệt phản quang theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và theo yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông TCVN 8791:2011.

e. Công trình trên tuyến: Tận dụng các công trình còn tốt trên tuyến.

9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã hiệu
1.	Quy trình khảo sát đường ô tô	TCCS 31:2020/TCĐBVN
2.	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3.	Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.	TCVN 14182:2024
4.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5.	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô	TCVN 4054:2005
6.	Tiêu chuẩn kỹ thuật BDTX đường bộ	TCVN 14182:2024
7.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế.	TCCS 38: 2022/TCĐBVN
8.	Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2025
9.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp bê tông nhựa nóng –Yêu cầu thi công và nghiệm thu - Phần 1 BTN chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567- 1:2022
10.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
11.	Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
12.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường	TCVN 8859:2023
13.	Nhũ tương nhựa đường axit - Phần 1: Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8817- 1:2011
14.	Nhũ tương nhựa đường axit - Phương pháp thử - Phần 3: Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817- 3:2011
15.	Nhũ tương nhựa đường axit - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817- 4:2011
16.	Nhũ tương nhựa đường axit - Phương pháp thử - Phần 10: Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817- 10:2011
17.	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
18.	Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước - thi công và nghiệm thu	TCVN 9504:2012

19.	Sơn tín hiệu giao thông - vật liệu kẻ đường phản quang dẻo nhiệt - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2011
-----	--	----------------

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: 24.500.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 21.630.812.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 411.146.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.504.636.000 đồng;
- Chi phí khác: 247.277.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 706.129.000 đồng.

11. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025 - 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Sở Xây dựng tổ chức thực hiện các bước tiếp theo, theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu VI và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- C, PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN_(CVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Hữu Học